

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TÓM TẮT BÁO CÁO TỔNG KẾT

NHIỆM VỤ

**Đánh giá học sinh tiểu học theo tiếp cận năng lực
đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình
giáo dục phổ thông**

(Mã số: KHGD/ 16-20. ĐT.016)

Xác nhận của tổ chức chủ trì



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Văn Thảo

Chủ nhiệm đề tài



GS.TS. Nguyễn Công Khanh

Hà Nội, 2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHÍNH THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

Danh sách các thành viên chính tham gia nghiên cứu đề tài:

1. PGS.TS. Đào Thị Oanh – Viện NCSP, Trường ĐHSP Hà Nội
2. PGS.TS. Nguyễn Trọng Khanh – Khoa SPKT, Trường ĐHSP Hà Nội
3. PGS.TS. Hồ Cẩm Hà – Khoa CNTT, Trường ĐHSP Hà Nội
4. PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn – Khoa TL-GD, Trường ĐHSP Hà Nội
5. TS. Lương Thị Hồng Gấm – Trường Đại học Tôn Đức Thắng
6. PGS.TS. Nguyễn Tuyết Nga – Viện KHGD Việt Nam
7. PGS.TS. Nguyễn Đức Minh – Viện KHGD Việt Nam
8. PGS.TS. Chu Cẩm Thơ – Viện KHGD Việt Nam
9. TS. Ngô Vũ Thu Hằng – Khoa Giáo dục tiểu học, Trường ĐHSP Hà Nội

Đơn vị phối hợp chính:

1. Vụ Giáo dục tiểu học – Bộ GD & ĐT
2. Viện KHGD Việt Nam
3. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
4. Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế
5. Sở Giáo dục và Đào tạo TP. HCM
6. Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk
7. Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai
8. Trường Đại học Sư phạm – Huế
9. Trường Đại học Sư phạm T/P Hồ Chí Minh

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung

“Đánh giá học sinh tiểu học theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông”

- Mã số: KHGD/ 16-20. ĐT.016
- Chủ nhiệm: GS.TS. Nguyễn Công Khanh
- Cơ quan chủ trì: Trường Đại học sư phạm Hà Nội
- Thời gian thực hiện: từ 11/2017 đến 11/2021

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn về đánh giá học sinh (HS) tiểu học, đề tài xây dựng khung chuẩn đánh giá, phương thức, quy trình đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học. Xây dựng được các bộ công cụ đánh giá năng lực và phẩm chất của HS tiểu học.

Mục tiêu cụ thể

- Làm rõ cơ sở khoa học về giáo dục theo tiếp cận năng lực, đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của người học;- Xây dựng được khung chuẩn đánh giá các năng lực và phẩm chất của HS tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới;- Xây dựng được phương thức, quy trình đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học;- Xây dựng được các bộ công cụ đánh giá các năng lực và phẩm chất của HS tiểu học;- Biên soạn được bộ tài liệu hướng dẫn đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học.

3. Tính mới và sáng tạo

- Thể hiện ở cách tiếp cận nghiên cứu: Tiếp cận năng lực, tiếp cận chuẩn, tiếp cận đánh giá để phát triển học tập.
- Thể hiện ở nội dung nghiên cứu: làm rõ cơ sở khoa học về giáo dục theo tiếp cận năng lực, đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Xây dựng các khung chuẩn đánh giá phẩm chất chủ yếu, năng lực chung, năng lực đặc thù theo 3 cấp (tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện hành vi cụ thể) của từng phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù của HS tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Xây dựng một số bộ công cụ mẫu (thang đo, trắc nghiệm, bảng kiểm) cho các đối tượng GV, CM đánh giá HS, HS tự đánh giá.

4. Kết quả nghiên cứu

- Xác định làm rõ cơ sở khoa học về giáo dục theo tiếp cận năng lực, đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của người học;- Khảo sát thực trạng đánh giá HS tiểu học theo Thông

tư 22;- Xây dựng và thử nghiệm các khung chuẩn đánh giá các phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù theo 3 cấp (tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện hành vi cụ thể) của từng phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù của HS tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới; - Xây dựng và thử nghiệm một số bộ công cụ mẫu đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học (dùng cho các đối tượng GV, CM đánh giá HS, HS tự đánh giá);- Biên soạn được bộ tài liệu hướng dẫn đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học.

5. Sản phẩm:- 03 báo cáo luận chứng khoa học về đánh giá năng lực và phẩm chất của HS tiểu học;- 01 báo cáo kết quả khảo sát thực trạng về đánh giá HS tiểu học;- 09 bộ khung chuẩn đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù của HS tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới;- 02 báo cáo về quy trình, phương thức đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất HS tiểu học;- Các bộ công cụ mẫu (gồm 23 thang đo, trắc nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn đo lường) có thể sử dụng để thu thập chứng cứ về năng lực và phẩm chất của HS tiểu học;- 01 Bản thảo sách “Tài liệu hướng dẫn đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học”;- 01 báo cáo tổng kết đề tài (dạng báo cáo phân tích); 04 bài báo đăng tải trên tạp chí quốc tế có uy tín (SCOPUS, Q1 – Q2); 9 bài báo đăng tải trên tạp chí trong nước; 2 bài báo cáo tham luận đăng ký yếu hội thảo khoa học quốc tế; - 02 luận án tiến sĩ đã bảo vệ năm 2020-2021; 02 luận văn thạc sĩ đã bảo vệ tại ĐHSP Hà Nội năm 2020.

6. Hiệu quả, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng

- Một số kết quả nghiên cứu gồm các báo cáo quan điểm giáo dục tiếp cận năng lực; báo cáo quan điểm đánh giá sự phát triển năng lực của người học; báo cáo các lý thuyết hiện đại trong đánh giá sự phát triển năng lực của người học; báo cáo kết quả khảo sát thực trạng đánh giá HS tiểu học theo Thông tư 22; các khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung, các năng lực đặc thù; và một số bộ công cụ mẫu dùng cho GV, CM, đánh giá HS và HS tự đánh giá đã được chuyển giao cho Vụ Giáo dục tiểu học và trực tiếp cho một số phòng giáo dục của các sở giáo dục Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Lào Cai...- Thông qua các bài viết công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hội thảo khoa học và tài liệu hướng dẫn đánh giá HS tiểu học (theo Thông tư 27).

Ngày 15 tháng 4 năm 2022

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)

GS.TS. Nguyễn Công Khanh

INFORMATION ABOUT THE RESULTS OF THE STUDY

1. General information

- Project title: Assessing primary school students according to the competence approach in responding the requirements of general education programme innovation (Assessing primary school students according to the competency approach to meet the requirements of reforming the general education program)
- Code Number: KHGD/16-20. ĐT.016 (national-level project)
- Coordinator: Prof. Dr. Nguyen Cong Khanh
- Implimenting institution: Hanoi National University of Education
- Duration: 48 months (From Nov 2017 to Nov 2021)

2. Objectives:

General objective

On the basis of theoretical and practical research on assessment of primary school students, the project builds assessment standard frameworks, methods and processes for assessing the development of competence and quality of primary school students. Develop toolkits to assess the competency and quality of primary school students.

Specific objectives

- Clarifying the scientific basis of education according to the competence approach, assessing the competency and quality of learners;- Developing standard frameworks for assessing the competences and qualities of primary school students under the new general education program;- Develop methods and processes to assess the level of capacity development and quality of primary school students; - Develop toolkits to assess the competencies and qualities of primary school students;- Compilation of a set of guide documents to assess the capacity development and quality of primary school students.

3. Creativeness and innovativeness

The creativeness and innovativeness are manifested in:

- The research approaches: competence-based approach, standard-based approach, assessment for learning-based approach;
- The research contents: identifying and defining scientific foundations of competence-based education, assessment awareness of development levels of lerners' competences and qualities. This project builds the assessment standard frameworks for evaluating competences and qualities according to new general education program (exhibited through

a description of each competence/quality in detail, specific, measurable) at 3 levels: level 1 – criteria: are the key requirements that students need to achieve; level 2- indicators: are requirements of each criterion that are detailed and clearly reflected the content of criteria and can be evaluated; level 3-specific manifestations: typical/characteristic behavior that best represents each observable and measurable indicator. This project also develops a set of assessment tools as patterns (i.e. scales, inventories, tests which have been examined to verify psychometric properties) for studying competences and qualities in elementary school students (used by teachers/parents/primary students).

4. Research results

- Identifying and defining scientific foundations of competence-based education, assessment awareness of development levels of learners' competences and qualities;-
- Surveying real situation of the implementation of assessing primary school pupils according to Circular 22;-
- Building and piloting the assessment standard frameworks for evaluating competences and qualities according to new general education program at 3 levels (criteria/ indicators/ specific manifestations: typical/characteristic behavior) with each quality/common ability/ specific ability;-
- Developing and experimenting with a set of instruments (pattern) for evaluating development levels of competences and qualities (used by teachers/parents/primary students);-
- A written professional manual (guide book) for assessing development levels of competences and qualities in elementary school students.

5.Products:

- 03 scientific reports of assessing competences and qualities in elementary school students: competence-based education approach; assessment awareness of development levels of learners' competences; modern theories for evaluating development levels of learners' competences;-
- 01 survey report on the real situation of the implementation of assessing primary school pupils according to Circular 22; -09 assessment standard frameworks for evaluating major qualities, key common competences and special competences of Vietnamese elementary school students forward the new general education program; -
- 02 reports of process, mode of evaluating development levels of competences and qualities in elementary school students;-
- 01 draft guide book for assessing competences and qualities in elementary school students;-
- 01 set of assessment tools as patterns (consist of 23 scales, Inventories, tests which have been examined to verify psychometric properties) for studying competences and qualities in elementary school students; 01 analysis report

summarizing results of the project (Analytic report); 04 articles published in international journals (SCOPUS Q2-Q1); 09 articles published in domestic magazines;

- 02 scientific papers published in international conferences-level monographs; - 02 doctoral theses which have been defended in 2020-2021 (since the implementation of the study);- 02 master's theses which have been defended in Hanoi National University of Education in 2020.

6. Effects, transfer alternatives of research results and applicability:

- A set of the research results obtained by the study (scientific reports of assessing competences and qualities, assessment awareness of development levels of learners' competences; modern theories for evaluating development levels of learners' competences, survey report on the real situation of the implementation of assessing primary school pupils according to Circular 22; assessment standard frameworks for evaluating major qualities, key common competences and special competences; set of assessment tools (pattern) for studying competences and qualities in elementary school students) have been directly transferred to the department of primary education and some departments of primary education in provinces (Hanoi, Hue...) to evaluate.

- Through the articles published in professional journals, workshops and professional manual for assessing primary school pupils (Circular 27).

Hanoi, 15 April 2022

Responsible Person

(signature and name)

Prof.Dr. Nguyen Cong Khanh

PHẦN MỞ ĐẦU

I. Tính cấp thiết của đề tài

Xu hướng đổi mới giáo dục phổ thông (GDPT) của các quốc gia đều định hướng xây dựng khung chuẩn các năng lực chung cốt lõi, các phẩm chất chủ yếu cần phát triển cho HS của thế kỷ 21. Thông tư (TT) số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), đã ban hành Chương trình GDPT: chương trình tổng thể và các chương trình môn học. Chương trình tổng thể mới ban hành đã xác định 5 phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm), 3 nhóm năng lực cốt lõi (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo) và 7 năng lực đặc thù (ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất) của học sinh (HS) phổ thông Việt Nam. Các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung cốt lõi và các năng lực đặc thù được xác định trong Chương trình tổng thể được viết dưới dạng những yêu cầu cần đạt, chưa được cụ thể hóa đầy đủ, tường minh thành các khung chuẩn chi tiết qua các tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện hành vi để có thể đo lường, đánh giá được. Do vậy đổi mới kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT mới là một đòi hỏi cấp thiết đối với GDPT nói chung và GD tiểu học nói riêng. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy quy định đánh giá HS tiểu học theo TT30 và TT22 của Bộ GD&ĐT được cho là phù hợp với xu hướng của thế giới, có tính nhân văn cao, không tạo áp lực đánh giá lên HS,... nhưng lại gặp nhiều khó khăn, chưa hiệu quả khi đưa vào thực tiễn đánh giá GD ở bậc tiểu học tại Việt Nam. Như vậy, từ góc độ lí luận và thực tiễn đều cho thấy cần thiết phải tiến hành nghiên cứu “***Đánh giá HS tiểu học theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông***” nhằm làm rõ cơ sở lí luận xây dựng chuẩn, phương thức, quy trình đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học. Từ đó thiết kế bộ công cụ mẫu đánh giá năng lực và phẩm chất HS tiểu học. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần đổi mới kiểm tra đánh giá GD bậc tiểu học theo tiếp cận năng lực, đáp ứng đổi mới chương trình GDPT.

II. Mục tiêu của đề tài

***Mục tiêu tổng quát:** Dựa trên nghiên cứu lí luận, thực tiễn về đánh giá HS tiểu học, đề tài xây dựng chuẩn đánh giá, phương thức, quy trình đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học và xây dựng được các bộ công cụ đánh giá năng lực, phẩm chất HS tiểu học.

***Mục tiêu cụ thể:** - Làm rõ cơ sở khoa học về GD theo tiếp cận năng lực, đánh giá sự phát

triển năng lực và phẩm chất của người học; - Xây dựng được khung chuẩn đánh giá các năng lực và phẩm chất của HS tiểu học theo chương trình GDPT mới; - Xây dựng được phương thức, quy trình đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học; - Xây dựng được các bộ công cụ đánh giá năng lực và phẩm chất của HS tiểu học; - Biên soạn được bộ tài liệu hướng dẫn đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học.

III. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

***Mẫu khách thể nghiên cứu:** 5302 giáo viên (GV) làm chủ nhiệm, dạy các môn chuyên biệt; 2158 cán bộ quản lý (CBQL) cấp trường /bộ môn/khối; 2556 cha mẹ học sinh (CMHS); 7.547 HS tiểu học (từ lớp 3-5).

* **Phạm vi:** đề tài xây dựng, thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù (theo Chương trình GDPT mới) và xây dựng một số công cụ mẫu; triển khai khảo sát ở 79 trường tiểu học thuộc 7 tỉnh/thành phố: Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, TP Hồ Chí Minh, Trà Vinh.

IV. Phương pháp, cách tiếp cận nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

4.1.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu: sưu tầm, tổng thuật tài liệu trong nước, dịch thuật tài liệu nước ngoài để nghiên cứu cơ sở lý luận, xác định luận điểm nghiên cứu, khái niệm công cụ, quy trình, phương thức, kỹ thuật xây dựng chuẩn đánh giá theo tiếp cận năng lực, kỹ thuật thiết kế công cụ đánh giá dựa theo chuẩn.*4.1.2. Phương pháp chuyên gia:* trung cầu ý kiến chuyên gia trong nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực, bảng tham chiếu chuẩn đánh giá, tiêu chí đánh giá, bộ công cụ đánh giá năng lực và phẩm chất HS.*4.1.3. Phương pháp lượng giá bằng các thang đo (được chuẩn hóa).* Thang đo phải xây dựng dựa trên *tiêu chí, đảm bảo độ tin cậy, độ phân biệt, độ giá trị...* phục vụ mục tiêu đánh giá cụ thể. *4.1.4. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (điều tra xã hội học):* có 4 loại bảng hỏi dành cho CBQL, GV, HS, CMHS để thu thập thông tin về thực trạng tổ chức, triển khai thực hiện quy định đánh giá HS tiểu học của *4.1.5. Phương pháp phỏng vấn sâu và tọa đàm nhóm* nhằm thu thập thông tin bổ sung, làm rõ hơn các vấn đề được phát hiện qua các phương pháp khác về đối tượng nghiên cứu. *4.1.6. Phương pháp thực địa, thử nghiệm thực tế* được sử dụng để thu thập thông tin qua quan sát trực tiếp các hoạt động kiểm tra đánh giá của GV, HS ở các trường tiểu học. Dựa trên cơ sở đó xây dựng chuẩn đánh giá theo năng lực, xây dựng quy trình, cách thức đánh giá năng lực, phẩm chất HS tiểu học. *4.1.7.*

Phương pháp thống kê toán học nhằm xử lý, phân tích định lượng và định tính kết quả nghiên cứu bằng phần mềm chuyên dụng SPSS/Conquest.

4.2. Cách tiếp cận

4.2.1. Tiếp cận năng lực: sử dụng đa dạng các loại hình, phương pháp, kỹ thuật đánh giá khác nhau để thu thập được bằng chứng về các mức độ khác nhau của năng lực. GV phải đưa ra các tiêu chí, chỉ báo mô tả biểu hiện hành vi đặc trưng... để có bằng chứng rõ ràng cho đánh giá. Ở đây, kỹ thuật Rubric có thể được GV sử dụng. *4.2.2. Tiếp cận tích hợp.* Quan điểm kiểm tra đánh giá phải được tích hợp hòa vào quá trình dạy học và gắn với đời sống thực tiễn có mục tiêu phát triển các năng lực ở HS, giúp HS có khả năng đáp ứng sự biến đổi nhanh chóng của xã hội để đem lại thành công cao nhất trong cuộc sống. *4.2.3. Tiếp cận đánh giá để phát triển học tập.* HS tiểu học đang phát triển, mục đích cao nhất của đánh giá GD là để phát triển học tập (Assessment for learning). Mọi đánh giá GD ở lứa tuổi này phải vì sự tiến bộ của chính HS.

4.2.4. Tiếp cận đánh giá GD hiện đại. Đánh giá theo tiêu chí chỉ ra mỗi HS có khả năng làm được những gì trong một môn học với một điểm số nào đó. HS có thể được xếp hạng trên một trục dọc các mức của trình độ, được miêu tả rõ ràng bằng các hành vi học tập cụ thể/khái quát. Vì vậy đánh giá theo tiêu chí là xu hướng nổi bật trong đánh giá GD hiện nay. Trong đánh giá theo chuẩn (standard-based assessment), trình độ của HS được so với các chuẩn về kết quả thực hiện việc học tập. *4.2.5. Tiếp cận lịch sử, cụ thể.* Đánh giá kết quả học tập/giáo dục HS tiểu học phải bám sát các tình huống học tập, bối cảnh lịch sử, cụ thể, gắn với thực tiễn đời sống và phải hấp dẫn với HS.

V. Nội dung nghiên cứu

5.1. Nội dung 1: Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học về GD theo tiếp cận năng lực, đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của người học. **5.2. Nội dung 2:** Xây dựng và thử nghiệm chuẩn đánh giá các năng lực chung, các năng lực đặc thù của HS tiểu học theo chương trình GDPT mới (thông qua các môn học và hoạt động). **5.3. Nội dung 3:** Xây dựng và thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học theo chương trình GDPT mới. **5.4. Nội dung 4:** Xây dựng phương thức, quy trình đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất HS tiểu học. **5.5. Nội dung 5:** Xây dựng và thử nghiệm các bộ công cụ đánh giá các năng lực chung và các năng lực đặc thù của HS tiểu học (dựa theo khung chuẩn đánh giá) để thu thập thông tin/chứng cứ về sự phát triển năng lực của HS tiểu học. **5.6. Nội dung 6:** Xây dựng và thử nghiệm bộ công cụ đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học để thu thập thông tin/chứng cứ về sự phát triển nhân cách của HS

tiểu học. **5.7. Nội dung 7:** Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học; Viết chuyên khảo đánh giá HS tiểu học theo năng lực.

VI. Sản phẩm của đề tài

- 03 báo cáo luận chứng khoa học về đánh giá năng lực và phẩm chất của HS tiểu học; 01 báo cáo kết quả khảo sát thực trạng về đánh giá HS tiểu học; 03 bộ khung chuẩn đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù của HS tiểu học theo chương trình GDPT mới; 02 báo cáo về quy trình, phương thức đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất HS tiểu học; Các bộ công cụ mẫu (gồm 23 thang đo, trắc nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn đo lường) có thể sử dụng để thu thập chứng cứ về năng lực và phẩm chất của HS tiểu học; 01 Bản thảo “Tài liệu hướng dẫn đánh giá sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học”; 01 báo cáo tổng kết đề tài (dạng báo cáo phân tích); 4 bài báo đăng tải trên tạp chí quốc tế có uy tín (**SCOPUS, Q1 và Q2**); 8 bài báo đăng tải trên tạp chí trong nước; 2 bài tham luận đăng ký yếu hội thảo khoa học quốc tế; 02 luận án tiến sĩ đã bảo vệ năm 2020 và 2021 (được bắt đầu từ khi đề tài triển khai); 02 luận văn thạc sĩ đã bảo vệ tại ĐHSP Hà Nội năm 2020.

Phần I: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NĂNG LỰC, ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI HỌC

Chương I: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NĂNG LỰC VÀ GIÁO DỤC THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

I. Tổng quan nghiên cứu về năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực

1.1. Nghiên cứu ở nước ngoài

Vấn đề đổi mới GD theo tiếp cận năng lực và GD phát triển năng lực của người học ở nhiều nước trên thế giới đã và đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu ở các tầng, bậc khác nhau và hướng vào làm rõ khái niệm, cấu trúc của năng lực; xác định các nhóm năng lực cốt lõi ở HS; năng lực học tập; GD theo tiếp cận năng lực (Henri Pieron; C. Cosmovici; A.N. Leonchiev; Xavier Rogiers; Howard Gardner; Tổ chức các nước kinh tế phát triển – OECD; Tuxworth; Spencer & Spencer Savage Van Dongen; Weinert...). Theo đó, người có năng lực có nghĩa là người biết làm và *làm được*. GD dựa trên năng lực nhấn mạnh vào mục tiêu định hướng và được cá nhân hóa. Mục tiêu học tập được xác định, mô tả rõ ràng để HS có thể thực hiện được, có thể theo đuổi các hoạt động học tập và phát triển kỹ năng thực hiện hoặc hình thành năng lực trong quá trình này. Hiện nay nhiều quốc gia đã và đang hướng tới thiết kế các chương trình GD dựa vào năng lực (Anh, Úc, New Zealand, Xứ Weles, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ, Singapore, Hongkong...). Các nghiên cứu quốc tế cho thấy GD trên thế giới có xu hướng ngày càng quan tâm, tập trung vào phát triển năng lực, đặc biệt quan tâm tới năng lực thực hiện công việc thực tế của HS. Để dạy học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm GD, đồng thời đánh giá được kết quả dạy học và GD, các mô hình GD theo tiếp cận năng lực cần xác định rõ từng loại năng lực, mỗi năng lực của HS cần được mô tả thành các tiêu chí, chỉ báo, các biểu hiện hành vi thể hiện khả năng áp dụng các kiến thức, kỹ năng cơ bản mà HS đã học được vào giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.

1.2. Nghiên cứu ở trong nước

Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách định hướng cho công tác nghiên cứu đổi mới GD. Vấn đề đổi mới GD phổ thông và đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS theo hướng tiếp cận năng lực được các cơ quan, tổ chức, các nhà nghiên

cứu Việt Nam rất quan tâm (Phạm Minh Hạc, Trần Kiều, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Công Khanh, Lê Đức Phúc, Nguyễn Huy Tú, Nguyễn Công Khanh, Lê đình Trung & Phan Thị Thanh Hội, Dương Thu Mai Nguyễn Thị Lan Phương, Dương Văn Hưng, Nguyễn Đức Minh, Lê thạch,...). Kết quả nghiên cứu là những luận điểm hữu ích gợi ý đường hướng cho các cơ quan QLGD đổi mới kiểm tra đánh giá GD theo năng lực ở bậc GD tiểu học. Những vấn đề cơ bản về lí luận và kinh nghiệm trong đánh giá kết quả học tập giúp ích cho GV, các nhà QLGD trong đánh giá kết quả học tập của HS phổ thông, song chưa đề cập nhiều đến đánh giá theo năng lực. Quá trình đổi mới GD và đánh giá theo hướng chuyển dần từ tiếp cận mục tiêu, nội dung sang tiếp cận năng lực đã thể hiện trong Thông tư 32 (2009) của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá HS tiểu học. TT30 (2014) của Bộ GD&ĐT thực sự hiện thực hoá tinh thần đổi mới của Nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT”, chuyển đánh giá thường xuyên từ chấm điểm sang nhận xét. Tuy nhiên, khi triển khai trên thực tiễn đã xuất hiện những bất cập, tạo ra dư luận trái chiều trong xã hội. TT22 (2016) của Bộ GD&ĐT đã làm rõ cơ sở khoa học của hai phương thức đánh giá thường xuyên bằng nhận xét và đánh giá định kì bằng điểm số để giúp việc thực hiện quy định về đánh giá HS tiểu học được cụ thể hơn; giúp GV dễ dàng hơn trong việc đánh giá HS; giúp CMHS có thể nắm bắt rõ hơn mức độ đạt được của con mình, kịp thời phối hợp với nhà trường trong GD HS. Song Quy định về đánh giá HS tiểu học theo TT22 vừa được triển khai từ tháng 11/2016 vẫn dựa trên cách tiếp cận chuẩn kiến thức kĩ năng của Chương trình GDPT ban hành từ năm 2006, trong khi đó chương trình GDPT mới được xây dựng hoàn toàn theo hướng tiếp cận năng lực. Để chuẩn bị cho chương trình GDPT mới theo tiếp cận năng lực, cần nghiên cứu làm rõ khái niệm, cấu trúc của năng lực, các phẩm chất, năng lực cốt lõi, năng lực đặc thù của HS tiểu học, quy trình, phương thức, công cụ đánh giá?

II. Cơ sở lý luận về năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực

2.1. Khái niệm năng lực và năng lực của học sinh

Có nhiều cách định nghĩa về năng lực của các tác giả khác nhau (John Erpenbeck & Heyse (1999); Weinert (2001); Denyse Tremblay (2002); Kouvenhowen (2010);...). Nhóm nghiên cứu đề tài này chấp nhận định nghĩa của bang Québec-Canada, xem *năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống*. Từ đó, có thể định nghĩa *năng lực là khả năng huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... để thực hiện thành công một loại*

*công việc trong một bối cảnh nhất định. Có: (a) Năng lực chung, cần thiết cho tất cả mọi người, giúp cá nhân tham gia hiệu quả trong nhiều loại hoạt động và các bối cảnh xã hội khác nhau, được phân thành *năng lực nhận thức* và *năng lực phi nhận thức* (phẩm chất/nét tính cách: nhân ái; trung thực, trách nhiệm...); (b) *Năng lực đặc thù* liên quan đến một môn học cụ thể/lĩnh vực hoạt động chuyên biệt. Năng lực và các thành tố của năng lực được hình thành và biến đổi liên tục.*

Năng lực của học sinh

Năng lực của HS là *khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ,...* phù hợp với lứa tuổi và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lý vào thực hiện thành công nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo yêu cầu, mục tiêu GD của cấp học và giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra cho chính các em trong cuộc sống. Có ba dấu hiệu quan trọng về năng lực của HS: (1) khả năng hành động, vận dụng tri thức, kỹ năng học được để giải quyết vấn đề của cuộc sống đang đặt ra; (2) khả năng kết nối, thực hiện hành động hiệu quả, muốn hành động và sẵn sàng hành động đạt mục đích đề ra; (3) được hình thành, phát triển trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trong và ngoài lớp học.

2.2. Cấu trúc năng lực và quá trình hình thành phát triển năng lực

2.2.1. Cấu trúc của năng lực

Cấu trúc của năng lực, theo Lobanova & Shunin (2008) được mô tả gồm 3 vòng tròn. *Vòng tròn nhỏ* ở tâm là năng lực (định hướng theo chức năng). *Vòng tròn giữa* bao quanh vòng tròn nhỏ là các thành tố của năng lực: kiến thức, các khả năng nhận thức, các khả năng thực hành/năng khiếu, thái độ, xúc cảm, giá trị và đạo đức, động cơ. *Vòng tròn ngoài* là bối cảnh (hoàn cảnh có ý nghĩa). Như vậy, năng lực là một cấu trúc động, có tính mở, đa thành tố, đa tầng bậc, hàm chứa trong nó không chỉ là kiến thức, kỹ năng... mà cả niềm tin, giá trị, trách nhiệm xã hội... thể hiện ở tính sẵn sàng hành động trong những điều kiện thực tế hoàn cảnh thay đổi.

2.2.2. Quá trình hình thành năng lực

Lobanova & Shunin (2008) mô hình hoá quá trình hình thành năng lực bằng một sơ đồ hình bậc thang, gồm các bước tăng tiến hình thành năng lực: Bước 1: Thu thập, tìm hiểu, khám phá và tiếp nhận thông tin; Bước 2: Xử lý thông tin biến thành kiến thức hiểu biết của cá nhân (thể hiện kiến thức); Bước 3: Áp dụng/vận dụng kiến thức (thể hiện khả năng); Bước 4: Thái độ và hành động trải nghiệm; Bước 5: Sự kết hợp các yếu tố trên thông qua quá trình trải nghiệm thực tế, tạo thành năng lực.

2.3. Các mô hình giáo dục theo tiếp cận năng lực

Nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài cho thấy có nhiều loại mô hình GD theo tiếp cận năng lực mà chúng ta có thể tham khảo tốt. Ví dụ, mô hình kim tự tháp của Miller (1990), thể hiện 4 mức độ khác nhau của một mục đích GD theo cách tiếp cận năng lực: (1) kiến thức (thu thập kiến thức thông tin); (2) Kỹ năng (hiểu và áp dụng); (3) Thể hiện; (4) Hành động thực tế. Chương trình GD phổ thông của Bang Quebec, Canada (2005) đã xây dựng khung năng lực gồm 4 nhóm với 9 năng lực, là: (1) Nhóm năng lực nhận thức; (2) Nhóm năng lực về phương pháp; (3) Nhóm các năng lực cá nhân và xã hội; (4) Nhóm năng lực giao tiếp. Cộng Hòa Liên Bang Đức đề xuất mô hình năng lực hành động, kết hợp 4 năng lực quan hệ chặt chẽ: (1) Năng lực chuyên môn (Professional competency); (2) Năng lực phương pháp (Methodical competency); (3) Năng lực xã hội (Social competency); (4) Năng lực cá thể (Individual competency). Hội đồng Liên minh châu Âu (EU) về chương trình GD&ĐT phát triển khung 8 năng lực chính cho HS: (1) năng lực giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; (2) năng lực giao tiếp bằng tiếng nước ngoài; (3) năng lực Toán học và năng lực cơ bản về khoa học, công nghệ; (4) năng lực công nghệ thông tin và truyền thông; (5) năng lực học cách học; (6) năng lực liên cá nhân và năng lực công dân; (7) năng lực kinh doanh và làm chủ doanh nghiệp; (8) năng lực biểu hiện văn hóa. Bộ Giáo dục bang British Columbia, Canada triển khai một chương trình GD mới dựa trên tiếp cận học tập dựa trên khái niệm và tiếp cận phát triển năng lực. Chương trình GDPT Úc (2013) đã xác định 7 năng lực tổng quát, gồm: (1) Sử dụng ngôn ngữ (đọc viết); (2) Kỹ năng toán học; (3) Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT); (4) Tư duy phê phán và sáng tạo; (5) Năng lực cá nhân và xã hội; (6) Hiểu biết về đạo đức; (7) Hiểu biết đa văn hóa. Bộ Giáo dục Singapore (2014), đã xác định một sơ đồ khung các năng lực cốt lõi HS cần đạt của thế kỉ 21 có 4 “tầng/lớp” thể hiện các giá trị, các năng lực cốt lõi và kết quả đầu ra mong đợi ở HS phổ thông. Có 03 lĩnh vực được đề xuất trong khung năng lực của hệ thống GD Nhật Bản hiện tại: (1) *Kỹ năng cơ bản* (Đọc viết, tính toán, và CNTT và truyền thông- cách cư xử, đạo đức cho CNTT); (2) *Khả năng tư duy* (Tìm kiếm và giải quyết các vấn đề, sáng tạo, tư duy phê phán, tư duy logic, siêu nhận thức và kỹ năng học tập thích nghi); (3) *Khả năng hành động cho thế giới* (Hành động độc lập và tự chủ, xây dựng mối quan hệ, có trách nhiệm xây dựng một tương lai bền vững).

2.4. Phân tích bản chất, tính kế thừa và sự giao thoa giữa các chương trình, cách thức tiếp cận giáo dục phát triển năng lực

Tiếp cận nội dung là cách thiết kế chương trình dựa trên một danh mục các nội dung hay chủ đề của một lĩnh vực/môn học nào đó, tập trung trả lời câu hỏi: Chúng ta mong muốn HS hiểu biết cái gì? Cách tiếp cận này chủ yếu dựa vào yêu cầu nội dung học vấn của khoa học bộ môn, nặng về lý thuyết, ít chú đến tiềm năng, các giai đoạn phát triển, nhu cầu, hứng thú, niềm tin, giá trị và các điều kiện văn hóa xã hội của HS. Tiếp cận kết quả đầu ra là cách tiếp cận xác định rõ kết quả - gồm những khả năng hoặc kỹ năng mong muốn HS đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường ở một môn học cụ thể, nhằm trả lời câu hỏi: Chúng ta muốn HS biết và có thể làm được những gì? Chương trình GD theo tiếp cận năng lực thực chất vẫn là cách tiếp cận kết quả đầu ra, song, đầu ra của cách tiếp cận này tập trung vào xác định rõ hệ thống năng lực cần có ở mỗi HS. Chương trình học được thiết kế dựa trên năng lực thực hiện sẽ giúp HS chịu trách nhiệm nhiều hơn đối với quá trình học tập của mình. Các nghiên cứu ở nước ngoài khá đa dạng, đã xây dựng cơ sở lý luận, thiết kế mô hình/ khung năng lực cốt lõi; thiết kế quy trình, cách thức triển khai đánh giá sự phát triển năng lực của HS. Đề tài này có thể kế thừa, phát triển vào nghiên cứu của mình phù hợp bối cảnh văn hóa xã hội Việt Nam, vì: GD tiếp cận năng lực đang trở thành xu hướng trên thế giới; để hình thành và phát triển được năng lực ở HS tiểu học, cần bắt đầu bằng việc xác định khung năng lực của HS, mô tả các thành tố và hợp phần của từng năng lực cần phát triển ở HS.

III. Thực tiễn đổi mới giáo dục và xu hướng chuyển đổi từ tiếp cận mục tiêu/ nội dung sang tiếp cận năng lực

3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước định hướng đổi mới giáo dục phổ thông

Nghị quyết số 29 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đã nêu quan điểm chỉ đạo: “Chuyển mạnh quá trình GD từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; GD nhà trường kết hợp với GD gia đình và GD xã hội”. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT. Mục tiêu đổi mới được Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDPT; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền GD nặng về truyền thụ kiến thức sang nền GD phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS.” Đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2015, đưa ra các định hướng xây

dựng chương trình, sách giáo khoa mới là tiếp cận theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, đẩy mạnh đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức GD theo hướng phát triển năng lực cho HS; đổi mới đánh giá kết quả GD theo yêu cầu phát triển năng lực, điều chỉnh hài hòa, cân đối giữa “dạy chữ” và “dạy người” và từng bước “dạy nghề”. Nội dung GD mang tính cơ bản, hiện đại, thực tiễn giúp hình thành và phát triển các năng lực học tập và phẩm chất.

3.2. Nghiên cứu thực tiễn trong nước về năng lực và giáo dục phát triển năng lực

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Quốc hội, Bộ GD&ĐT năm 2011 đã chỉ đạo, tổ chức xây dựng Đề án “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT sau năm 2015”, thành lập 7 nhóm nghiên cứu triển khai những nhiệm vụ cốt yếu: 1) Cơ cấu hệ thống GDPT trong hệ thống GD Việt Nam; 2) Hệ thống năng lực chung, cốt lõi của HS phổ thông; 3) Mục tiêu và chuẩn GDPT; 4) Kế hoạch GDPT; 5) Đánh giá kết quả GD phù hợp với chương trình GDPT; 6) Thử nghiệm và đánh giá chương trình, sách giáo khoa GDPT; 7) Cấu trúc văn bản chương trình GDPT. Chương trình GDPT Việt Nam - Chương trình tổng thể được Bộ GD&ĐT chính thức phê duyệt ngày 26-12-2018, xem năng lực là *thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể*. Chương trình tổng thể khẳng định *bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung GD*, đưa ra yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực: (1) *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; (2) a) *năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo*; b) *năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất*.

Chương II:

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI HỌC

I. Cơ sở lí luận về đánh giá giáo dục theo tiếp cận năng lực

1.1. Đánh giá trong giáo dục

1.1.1. Khái niệm đánh giá

Đánh giá trong lớp học là *quá trình thu thập, tổng hợp, diễn giải thông tin hay dữ liệu liên quan đến việc học tập và trải nghiệm của HS nhằm mục đích phát triển một sự hiểu biết sâu về điều gì HS biết, HS hiểu và HS có thể làm được, như là kết quả của sự trải nghiệm GD của chính các em, để đưa ra quyết định GD liên quan đến HS.*

1.1.2. Các mục đích hay cách thức tiếp cận đánh giá trong giáo dục

Đánh giá trong GD xét trên phương diện có sự khác biệt về mục đích, chức năng, vai trò, được các chuyên gia về đánh giá GD của quốc tế phân thành 3 nhóm tiếp cận chính: (1) *Đánh giá để phát triển học tập hay đánh giá vì sự tiến bộ của người học* (assessment for learning); (2) *Đánh giá như là chiến lược học tập đánh giá là hoạt động học tập* (assessment as learning); (3) *Đánh giá về kết quả học tập* (assessment of learning).

1.1.3. Các hình thái và kiểu/loại hình đánh giá

Có ba hình thái: (1) đánh giá dựa trên đo lường tâm lý; (2) đánh giá dựa trên bối cảnh; (3) đánh giá cá nhân hóa. Để tối ưu hóa cả ba hình thái đánh giá trên, đánh giá GD hiện đại cần lấy HS làm trung tâm (Cooper, 1997; Hart, 1994; Dierick & Dochy, 2001).

1.2. Đánh giá năng lực của người học

Đánh giá năng lực hướng vào việc xác định HS giải quyết nhiệm vụ ở mức độ nào. *Đánh giá năng lực là đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ của HS trong một bối cảnh có ý nghĩa: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết thành công nhiệm vụ học tập hoặc các tình huống thực tiễn trong cuộc sống.*

1.3. Đánh giá sự phát triển năng lực của người học

Nghiên cứu của Singer (2006) đã đưa ra mô hình đánh giá phát triển năng lực của HS chỉ ra các mức độ phát triển năng lực từ thấp đến cao, từ xác định những thành phần chính của kiến thức, thao tác/xử lý kiến thức, đến mức chuyển giao trở thành năng lực vận dụng vào thực tế. Nghiên cứu của Wolf (2001) cho rằng đó là một hình thức đánh giá dựa trên việc miêu tả sản phẩm đầu ra vừa khái quát, vừa cụ thể của quá trình học tập rõ ràng tới mức có

thể làm cho GV, HS và các bên liên quan hình dung tương đối chính xác về thành quả của HS sau quá trình học tập.

1.4. Các phương thức đánh giá giáo dục phát triển năng lực người học

1.4.1. Đánh giá thường xuyên hay đánh giá quá trình (*formative assessment*)

* *Khái niệm, mục đích, bản chất*: Đánh giá thường xuyên là thu thập thông tin cho hoạt động đánh giá diễn ra hàng ngày, hàng tuần trên lớp học, ngoài lớp học, theo tần xuất (dày đặc), diễn ra trong suốt quá trình học tập. Đánh giá quá trình là hoạt động đánh giá diễn ra thường xuyên theo tiến trình thực hiện hoạt động dạy học, GD. Đánh giá thường xuyên hay đánh giá quá trình đều thực hiện chức năng cung cấp thông tin phản hồi cho GV, HS giúp lập kế hoạch, định hướng và cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập.* *Một số đặc điểm của đánh giá quá trình*: nhận xét phải cung cấp thông tin phản hồi; thông tin liên quan đến việc phát triển khả năng của từng HS; nhấn mạnh đến tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí của bài học và hướng cải thiện.* *Một số cách thức đánh giá quá trình*: tìm hiểu nhu cầu HS qua phiếu hỏi, bảng kiểm, trả lời nhanh...; động viên khích lệ, tự định hướng; giám sát sự tiến bộ; kiểm tra sự hiểu biết.

1.4.2. Đánh giá định kì hay đánh giá tổng kết (*summative assessment*)

* *Khái niệm, mục đích, bản chất*: thường được thực hiện vào cuối học kì hoặc cuối khoá nhằm *xác định mức độ đạt thành tích của HS, mà không quan tâm đến việc thành tích đó đã đạt được ra sao*, được sử dụng để công nhận HS đã hoàn thành/chưa hoàn thành chương trình học. Đánh giá tổng kết đòi hỏi thiết kế đánh giá có tính chuẩn cao, dùng cho số đông đối tượng khảo sát, nhằm *xác định mức độ đạt thành tích của HS để xếp loại HS*.* *Một số đặc điểm của đánh giá định kì hay tổng kết*: đòi hỏi công cụ thiết kế có tính chuẩn; cách thức thiết kế bài thi, trắc nghiệm khách quan đòi hỏi lập ma trận, công phu, sử dụng điểm số; thu thập thông tin liên quan đến các mức độ thể hiện năng lực thực hiện của HS; nhấn mạnh đến GV đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn kết quả đầu ra của chương trình; nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập so với chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định.

1.5. Quy trình triển khai đánh giá năng lực người học

Hai hướng chính là dựa theo phương pháp định lượng và dựa theo phương pháp định tính, hoặc kết hợp cả định tính và định lượng. Thông dụng hiện nay là quy trình của Wilson (2005) gồm 4 giai đoạn và của Griffin, Nguyễn và Gillis (2004) gồm 5 giai đoạn. Hai quy trình này về cơ bản giống nhau ở việc kết hợp cả phương pháp định tính và định lượng. Quy trình của Griffin, Nguyễn và Gillis hiện nay được coi là có uy tín về thiết kế, xây dựng

năng lực, thậm chí đánh giá năng lực bởi tính mở của mình. Nhưng khi triển khai trên thực tế GV lại gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc nhiều vào trình độ, năng lực đánh giá của các bên liên quan. Từ đó, đã có các quy trình đánh giá nhằm khắc phục những bất cập (Potgieter và Merwe, 2002; Leach, 2008; Webb và Jones, 2009).

II. Thực tiễn đánh giá sự phát triển năng lực của người học

2.1. Thực tiễn đánh giá năng lực người học ở một số nước và những thách thức

Nghiên cứu kinh nghiệm đánh giá năng lực HS của một số nước phát triển như: Hồng Kông, Canada, Australia, Nhật Bản, Singapore... có thể rút ra một số bài học: (1) Để hình thành và phát triển được năng lực ở HS tiểu học, hầu hết các quốc gia đã bắt đầu bằng việc xác định khung năng lực chung cốt lõi của HS và mô tả các thành tố từng năng lực cần phát triển. (2) Để đánh giá năng lực HS tiểu học, có thể lựa chọn cách thức phù hợp (xây dựng đường phát triển năng lực – Úc; xây dựng các cấp độ phát triển năng lực – Canada; xây dựng tiêu chí, chỉ báo đánh giá năng lực cụ thể - Singapore). Trong thực tế, GV thực hành đánh giá năng lực HS ở trên lớp còn gặp nhiều trở ngại nên các quốc gia vẫn đang nỗ lực nghiên cứu thực nghiệm.

2.2. Thực tiễn trong nước về kiểm tra đánh giá, đánh giá sự phát triển năng lực của HS

Các nghiên cứu về đổi mới GD, nghiên cứu đánh giá GD theo tiếp cận năng lực đã được quan tâm và triển khai ở Việt Nam: Dự án Phát triển GV THPT và Trung cấp chuyên nghiệp, Bộ GD&ĐT (2013) với Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đánh giá trong lớp học cho GV trung học Việt Nam làm quen với kỹ thuật đánh giá mới; *Khung năng lực về kiểm tra đánh giá trong GD* do Nguyễn Công Khanh & nhóm nghiên cứu của Bộ GD&ĐT năm 2013-2014 đã xây dựng và 5 bộ tài liệu Hướng dẫn về Kiểm tra đánh giá trong GD theo tiếp cận năng lực dành cho GV, CMHS, CBQL, sinh viên sư phạm... Nghiên cứu thực trạng triển khai Quy định đánh giá HS tiểu học theo TT30 trên 4 nhóm đối tượng: 566 CBQL, 332 GV, 232 CMHS, 352 HS tiểu học vào năm 2016 đã cho các nhà QLGD thấy điểm yếu nhất trong nhận thức của một bộ phận lớn QLGD, GV, CMHS về đánh giá HS; Những quy định bất cập trong TT30 đã được chỉnh sửa trong TT22 và bộ công cụ đo lường đã được thiết kế để giúp GV tiểu học đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất của HS tiểu học vào giữa và cuối học kì chưa được chuẩn hóa. Ở nước ta đánh giá GD vẫn là điểm yếu nhất, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

III. Cơ sở lý luận về đánh giá phẩm chất của người học

3.1. Cách tiếp cận đánh giá phẩm chất học sinh

Tiếp cận đánh giá phẩm chất HS hướng đến đánh giá vì sự học tập (assessment for learning), đặt HS vào trung tâm của việc ra quyết định. Việc sử dụng nhiều công cụ và chiến lược trong các nhiệm vụ đánh giá thực sẽ duy trì mối quan tâm của HS, hiểu biết sâu sắc hơn về việc học của HS để được tham gia vào việc tự đánh giá về công việc của mình, giám sát sự tự tiến bộ của bản thân, học cách thiết lập các mục tiêu cho bản thân, hiểu rõ ràng các nhiệm vụ đánh giá mong đợi điều gì ở mình. Do vậy, mỗi nhiệm vụ đánh giá phải đi cùng với các tiêu chí đánh giá rõ ràng sao cho GV và HS hiểu rõ các tiêu chí đánh giá và có sự hợp tác giữa các GV.

3.2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá là sự hiểu biết của HS về các giá trị cốt lõi, sự phát triển các năng lực tình cảm và xã hội cùng kỹ năng liên quan đến tư cách công dân ở HS mở rộng phạm vi từ bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng, quốc gia cho đến thế giới. Các nội dung này gắn liền với các mục tiêu học tập được nêu ra trong chương trình, trong đó có mô tả các khía cạnh khác nhau của việc hình thành phẩm chất tương quan với các năng lực tình cảm và xã hội; dựa trên tinh thần công dân thế kỉ 21, sắp xếp theo các thuộc tính của công dân như cá tính, văn hóa, và sự tham gia chủ động và có trách nhiệm với tư cách là công dân toàn cầu.

3.3. Tiêu chí đánh giá

Từ kinh nghiệm GD và đánh giá phẩm chất HS ở một số nước có thể rút ra *một số bài học sau*: (1) Cần xác định và khẳng định rõ cách tiếp cận trong đánh giá phẩm chất; (2) Cần xác định đánh giá phẩm chất là một cấu phần của quá trình GD phẩm chất; (3) Tiêu chí đánh giá phẩm chất phải được phát triển dựa trên một mô hình cấu trúc tâm lí của phẩm chất nhất định và trên cơ sở lí thuyết về sự phát triển con người; (4) Cần phải kết hợp đa dạng các phương pháp đánh giá khác nhau; (5) Cần phát triển nhận thức và trình độ chuyên môn của GV về đánh giá phẩm chất.

Phần II: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương III:

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC

I. Mục đích: Tìm hiểu nhận thức của CBQL, GV, PH và HS tiểu học khi triển khai thực hiện TT22, những khó khăn, bất cập, từ đó kiến nghị biện pháp sửa đổi phù hợp thực tiễn, tạo ra thay đổi tích cực trong đánh giá HS tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT.

II. Nội dung, đối tượng và mẫu khảo sát

2.1. *Nội dung khảo sát:* nhận thức của CBQL, GV, CMHS, HS về mục đích, nguyên tắc, nội dung, cách thức đánh giá HS tiểu học; Thái độ của họ về những thay đổi ở HS, GV khi thực hiện quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22; Cách thức CBQL chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện đánh giá HS theo TT22 và những bất cập; Những thay đổi tích cực; Những khó khăn; Những điểm cần điều chỉnh.

2.2. *Đối tượng và mẫu khảo sát:* nhận thức, hành động của các bên liên quan quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22. *Mẫu khảo sát:* CBQL; GV, CMHS, HS của trường tiểu học.

III. Phương pháp và công cụ khảo sát thực trạng

3.1. *Phương pháp nghiên cứu:* điều tra xã hội học, phân tích số liệu bằng thống kê toán học.

3.2. *Thiết kế công cụ khảo sát:* Xây dựng 04 Phiếu trưng cầu ý kiến dưới dạng thang đo.

IV. Kết quả đánh giá đặc tính đo lường (tính chuẩn) của công cụ khảo sát

4.1. *Đánh giá độ tin cậy* Hệ số tin cậy Alpha = 0,93; 0,94; 0,88; 0,83.

4.2. *Đánh giá độ giá trị:* Tốt. Điểm số các thang đo có tương quan thuận khá chặt.

4.3. *Đánh giá tính chuẩn:* Phân phối điểm của tất cả các phiếu đo trên mẫu nghiên cứu đều có dạng phân phối chuẩn.

V. Kết quả khảo sát thực trạng

5.1. Đa số đối tượng được khảo sát đã thông hiểu mục đích, nguyên tắc, cách thức đánh giá, đã thực hiện/thường xuyên thực hiện các hoạt động đánh giá HS tiểu học theo TT22. 5.2. Phần lớn CBQL, GV được khảo sát hiểu biết khá tốt về cơ sở tâm lý học, giáo dục học và khoa học đo lường đánh giá GD làm cơ sở nền tảng cho Quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22. 5.3. Đa số CBQL và GV trong nhóm được khảo sát có nhận định tích cực về những thay đổi ở GV, khi thực hiện quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22. Tuy nhiên, cả CBQL, GV, CMHS, HS vẫn thích đánh giá thường xuyên bằng điểm số vì tin rằng như

thể mới chính xác. **5.4.** Kết quả phân tích các bài kiểm tra cuối kì I, kì II năm học 2017-2018 và cuối kì I, kì II năm học 2018-2019 các môn học có bài kiểm tra viết cho thấy 70% các câu hỏi kiểm tra ở mức biết và hiểu, khoảng 20% câu hỏi kiểm tra ở mức vận dụng và khoảng 10% mức vận dụng linh hoạt sáng tạo. Đa số CMHS tiểu học được nghiên cứu hiểu, đồng tình với quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22. Tuy nhiên còn một bộ phận đáng kể CMHS chưa hiểu rõ bản chất, mục đích đánh giá của TT22 nhằm thúc đẩy phát triển học tập của HS. Kết quả khảo sát thực trạng trên nhóm mẫu HS tiểu học cho thấy có bằng chứng khá rõ ràng về những thay đổi ở HS. Đa số HS được hỏi cảm thấy tự tin, hài lòng với thầy/cô. **5.5.** Đối với việc đánh giá các năng lực chung và phẩm chất, kết quả cho thấy, hầu hết các trường đã tự đưa ra tiêu chí, chỉ báo để đánh giá HS, sử dụng tài liệu hướng dẫn do sở, phòng GD tập huấn, không thống nhất. Các trường đều có nhu cầu có các thang đo chuẩn để đánh giá các năng lực chung cốt lõi và các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học, được tập huấn biết cách đánh giá.

Chương IV:

XÂY DỰNG CÁC PHƯƠNG THỨC VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

I. Mục tiêu: Xây dựng phương thức, quy trình đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất ở HS tiểu học, đảm bảo khả thi, nhất quán, làm cơ sở triển khai đánh giá năng lực và phẩm chất HS tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT.

II. Nội dung

2.1. Xây dựng hai phương thức đánh giá HS tiểu học

2.1.1. Yêu cầu thiết kế: Hai phương thức đánh giá định kì và thường xuyên được thiết kế trong mối tương tác chặt chẽ với ba loại hình đánh giá cốt lõi đã và đang được ứng dụng rộng rãi của quốc tế, đồng thời phải lấy hoạt động học tập của học sinh là trung tâm.

2.1.2. Phương thức đánh giá thường xuyên được xây dựng bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng, năng lực, phẩm chất quy định trong chương trình GDPT bậc tiểu học. Kết quả nghiên cứu, thử nghiệm phương thức này được cung cấp cho Vụ Giáo dục tiểu học sử dụng, đồng thời cùng phối hợp hỗ trợ Vụ Giáo dục tiểu học biên soạn thành công TT27, ban hành tháng 9/2020.

2.1.3. Đánh giá định kì: Đánh giá định kì bằng bài kiểm tra, thực hiện với các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc. Kết quả xây dựng phương thức đánh giá định kì được CBQL, GV góp ý, thử nghiệm, chuyển Vụ Giáo dục tiểu học biên soạn TT27 (ban hành 9/2020).

2.1.4. Các yêu cầu đảm bảo tính hiệu quả khi sử dụng hai phương thức đánh giá. Hai phương thức đánh giá thường xuyên và định kì HS tiểu học chỉ được sử dụng hiệu quả khi có sự tham chiếu khung chuẩn đánh giá các năng lực chung, phẩm chất, năng lực đặc thù của HS tiểu học: Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; Nội dung đánh giá từng năng lực, phẩm chất HS tiểu học thể hiện qua các tiêu chí, chỉ báo hành vi; Khung chuẩn đánh giá năng lực, phẩm chất của HS tiểu học được thiết kế 3 cấp (tiêu chí; chỉ báo; biểu hiện cụ thể).

2.2. Kết quả xây dựng quy trình đánh giá mức độ phát triển năng lực, phẩm chất của HS tiểu học. Có 8 bước: a) Xây dựng kế hoạch, trả lời 4 câu hỏi: (1) Vì sao đánh giá (Why)?; (2) Đánh giá cái gì (What)?; (3) Đánh giá như thế nào (How)?; (4) Mức độ quan trọng của từng nội dung và mục tiêu cụ thể (How important)? b) Xác định mục tiêu, phương thức, lĩnh vực nội dung, lập kế hoạch theo tiến trình GD; c) Sử dụng các khung chuẩn như là bảng chuẩn tham chiếu khi đánh giá từng HS; d) Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật, công cụ đánh giá phù hợp mục tiêu, phương thức, lĩnh vực, nội dung cần đánh giá, phải thử

nghiệm công cụ đánh giá; đ) Thực hiện đánh giá. Tuân thủ nghiêm túc các thủ tục đánh giá, kiểm tra các sai sót, ghi nhận các vấn đề; e) Xử lý các thông tin thu được để tổng hợp thành các kết quả đánh giá; f) Phản hồi kết quả đánh giá đến các bên liên quan, giải đáp, điều chỉnh kế hoạch GD; g) Tổng hợp, báo cáo.

2.3. Kết quả thử nghiệm hai phương thức và quy trình đánh giá năng lực và phẩm chất của HS tiểu học: a) 90% CBQL và 80% GV nhận thấy sự phù hợp của hai phương thức và quy trình đánh giá mức độ phát triển năng lực, phẩm chất đưa ra. Song, đa số GV mong muốn được tập huấn về thiết lập quy trình đánh giá phù hợp. b) 100% CBQL và 90% GV nhận thấy quy trình phải dựa trên khung chuẩn đánh giá được thiết kế theo khối lớp, làm cơ sở để các trường tiểu học dựa vào đó có thể phát triển công cụ đánh giá trên lớp học. c) Tất cả CBQL và GV mong muốn sớm được cung cấp các khung chuẩn đánh giá 3 nhóm năng lực chung, 5 phẩm chất và 7 năng lực đặc thù đã được hoàn chỉnh từ các góp ý tại các trường tiểu học kèm theo tài liệu hướng dẫn cách thức đánh giá và được tập huấn bởi các chuyên gia đã thiết kế chúng.

Chương V:
XÂY DỰNG VÀ THỬ NGHIỆM CHUẨN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CHUNG
CỐT LÕI CỦA HS TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

I. Mục tiêu: Xây dựng, thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các nhóm năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học theo cách tiếp cận năng lực, khả thi, nhất quán với chương trình GDPT, làm cơ sở phát triển bộ công cụ đánh giá các nhóm năng lực chung cốt lõi đáp ứng yêu cầu đổi mới GD.

II. Đối tượng và mẫu khảo sát thử nghiệm: 652 CBQL; 1573 GV; 1054 CMHS; 5118 HS ở 79 trường tiểu học, thuộc Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, TP Hồ Chí Minh, Trà Vinh.

III. Nội dung

3.1. Cơ sở pháp lý và khoa học để xây dựng khung chuẩn đánh giá các nhóm năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học là các Nghị quyết, Thông tư, Quy định của Chính phủ và Nhà Nước, kết quả nghiên cứu khoa học về đặc điểm tâm lí HS tiểu học, thực tiễn đánh giá HS trong trường tiểu học, khung chuẩn đánh giá các nhóm năng lực chung của nước ngoài.

3.2. Các yêu cầu và nguyên tắc thiết kế khung chuẩn đánh giá các năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT. a) Khung chuẩn đánh giá 3 nhóm năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học thể hiện tiếp cận năng lực, bám sát yêu cầu cần đạt được nêu ra trong chương trình GDPT; b) dựa trên yêu cầu cần đạt về 3 nhóm năng lực chung cốt lõi được quy định trong chương trình GDPT; c) dựa trên các đặc điểm tâm lí của HS tiểu học, lí luận tâm lý học; d) gồm 3 cấp (tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện cụ thể); e) bám sát yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình tổng thể theo TT32; f) chi tiết hóa, có thể quan sát, đo lường.

2.3. Thiết kế khung chuẩn đánh giá các năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học

(Bản thảo thiết kế khung chuẩn đánh giá các năng lực chung cốt lõi trước thử nghiệm_ xem báo cáo xây dựng khung chuẩn đánh giá các năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học)

3.4. Quy trình thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học gồm 7 bước: (1) giới thiệu 3 nhóm năng lực chung cốt lõi theo bảng phác thảo trong chương trình tổng thể và yêu cầu cần đạt; (2) giới thiệu quan điểm GD và đánh giá theo tiếp cận năng lực; (3) Giới thiệu yêu cầu, nguyên tắc xây dựng khung chuẩn đánh giá năng lực chung của HS tiểu học; (4) Các nhóm CBQL và GV nghiên cứu, thảo luận, góp ý,

sửa trực tiếp; (5) Nhóm CBQL và GV sử dụng bộ công cụ đánh giá thử 1-2 HS của lớp mình đang dạy; (6) Nhóm nghiên cứu sửa chữa điều chỉnh lại khung chuẩn đánh giá các năng lực chung; (7) hoàn thiện khung chuẩn đánh giá năng lực chung rồi chuyển chuyên gia thẩm định độc lập, góp ý.

3.5. Kết quả thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học

CBQL (trên 95%) và GV (gần 90%) thấy cần xây dựng khung chuẩn đánh giá 3 nhóm năng lực chung của HS tiểu học; nhất trí quan điểm xây dựng dựa trên cách tiếp cận năng lực phẩm chất của chương trình GDPT; khung chuẩn đánh giá năng lực chung bám sát yêu cầu cần đạt trong chương trình tổng thể theo TT32, chi tiết, có thể dùng làm khung tham chiếu; phù hợp đặc điểm tâm lí HS tiểu học; ủng hộ cách xây dựng khung chuẩn đánh giá 3 nhóm năng lực chung chi tiết theo 3 cấp (tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện cụ thể); CBQL và GV thấy được sự tường minh, đáng tin cậy khi sử dụng thử thang đo năng lực được nhóm nghiên cứu thiết kế; nhiều trường tự đưa ra ra tiêu chí, chỉ báo để đánh giá năng lực chung, sử dụng tài liệu hướng dẫn do sở, phòng GD nhưng thiếu thống nhất, TT22 vẫn còn hiệu lực làm khó cho các trường khi cùng lúc HS lớp 1 năm 2020-2021 sử dụng khung chuẩn đánh giá 3 nhóm năng lực chung và thang đo năng lực chung dựa trên khung chuẩn này theo thông tư mới, trong khi lớp 2 đến lớp 5 vẫn đánh giá 3 nhóm năng lực theo TT22 chưa có khung chuẩn và bộ công cụ chuẩn để đánh giá.

3.6. Các khung chuẩn năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học (sau thử nghiệm): Sau khi thử nghiệm, khung chuẩn năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học (lớp 1-2); Khung chuẩn năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học (lớp 3); Khung chuẩn năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học (lớp 4-5) được hoàn thiện, bổ sung cụ thể về công cụ, cách đánh giá.

IV. Kết quả đánh giá đặc tính đo lường (tính chuẩn) của bộ công cụ đánh giá 3 nhóm năng lực chung cốt lõi của HS tiểu học

4.1. Đánh giá độ tin cậy: hệ số alpha toàn bộ phép đo = 0,97; 0,96; 0,95; 0,94.

4.2. Đánh giá độ giá trị (độ hiệu lực): kết quả phân tích yếu tố cho hiệu lực cấu trúc tốt.

4.3. Đánh giá tính chuẩn (phân phối điểm) của các thang đo 3 nhóm năng lực cốt lõi (CBQL, GV, CM, HS): Tất cả các thang đo đề tài xây dựng đều có phân phối điểm ở từng thang đo và cả phép đo trên mẫu nghiên cứu gần với phân phối chuẩn.

Chương VI:
XÂY DỰNG VÀ THỬ NGHIỆM KHUNG CHUẨN ĐÁNH GIÁ
CÁC PHẨM CHẤT CHỦ YẾU CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC THEO
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

I. Mục tiêu: Xây dựng, thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học theo tiếp cận năng lực phẩm chất, khả thi, nhất quán với Chương trình GDPT làm cơ sở phát triển bộ công cụ đánh giá phù hợp yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT.

II. Đối tượng, mẫu thử nghiệm: 602 CBQL; 1582 GV; 1181 CMHS; 1260 HS của 79 trường tiểu học Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, TP Hồ Chí Minh, Trà Vinh.

III. Nội dung

3.1. Cơ sở khoa học để xây dựng khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học là các Nghị quyết, Thông tư, Quy định của Nhà Nước và Bộ GD&ĐT về đổi mới GD, đổi mới đánh giá; kết quả nghiên cứu khoa học về đánh giá theo tiếp cận năng lực, đặc điểm tâm lí HS tiểu học, khung chuẩn đánh giá các phẩm chất của HS của quốc tế.

3.2. Các yêu cầu và nguyên tắc xây dựng, thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học: phải được xây dựng dựa trên cách tiếp cận năng lực phẩm chất của Chương trình GDPT; Nội dung đánh giá từng phẩm chất gắn liền với mục tiêu học tập, yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT; dựa trên yêu cầu cần đạt về 5 phẩm của HS tiểu học quy định trong Chương trình GDPT; dựa trên đặc điểm tâm lí HS tiểu học, lí luận tâm lý học; thiết kế chi tiết theo 3 cấp: tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện cụ thể; bám sát yêu cầu quy định trong Chương trình GDPT theo TT32; chi tiết hóa thành các chỉ báo, biểu hiện hành vi điển hình; mỗi tiêu chí có khoảng 2-5 chỉ báo, mỗi chỉ báo có từ 1-3 biểu hiện cụ thể điển hình.

3.3. Xây dựng các khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học. Đề tài đã xây dựng 3 khung chuẩn: (1) Khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS lớp 1-2; (2) Khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS lớp 3; (3) Khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS lớp 4-5.

3.4. Quy trình thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học gồm 7 bước: (1) giới thiệu 5 phẩm chất trong chương trình GDPT và yêu cầu cần đạt; (2) giới thiệu quan điểm GD và đánh giá sự phát triển các phẩm chất của HS theo tiếp cận năng lực, phẩm chất; (3) Giới thiệu yêu cầu, nguyên tắc xây dựng khung chuẩn đánh giá các phẩm chất; (4) CBQL, GV góp ý, chỉnh sửa vào bảng mô tả tiêu chí, chỉ báo hành vi, biểu hiện; (5) CBQL, GV sử dụng bộ công cụ đánh giá thử nghiệm phẩm chất của 1-2 HS

tiểu học lớp mình dạy; (6) Nhóm nghiên cứu sửa chữa điều chỉnh lại khung chuẩn đánh giá các phẩm chất; (7) Khung chuẩn đánh giá phẩm chất được gửi nhóm chuyên gia thẩm định độc lập, góp ý.

3.6. Kết quả thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học: a) Đa số CBQL (trên 95%) và GV (gần 90%) đều cần thiết phải xây dựng khung chuẩn đánh giá 5 phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học; b) CBQL, GV đồng ý với quan điểm khung chuẩn đánh giá phẩm chất của HS tiểu học phải được xây dựng dựa trên tiếp cận năng lực phẩm chất của Chương trình GDPT - đánh giá vì sự phát triển học tập (assessment for learning; c) CBQL, GV đồng ý khung chuẩn đánh giá 5 phẩm chất chủ yếu đã bám sát yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình tổng thể theo TT32, chi tiết hơn, có thể dùng làm khung tham chiếu; d) CBQL, GV đồng ý khung chuẩn đánh giá 5 phẩm chất phù hợp tâm lí HS tiểu học, lí luận tâm lý học; e) CBQL, GV ủng hộ cách xây dựng khung chuẩn đánh giá 5 phẩm chất của HS tiểu học chi tiết theo 3 cấp: tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện cụ thể; f) CBQL, GV (trên 95%) thấy cần thiết, tường minh, đáng tin cậy khi sử dụng thử thang đo phẩm chất được thiết kế dựa trên khung chuẩn đánh giá phẩm chất. Một số còn băn khoăn về quỹ thời gian cần nhiều hơn; g) Kết quả thử nghiệm cho thấy các trường đã tự “sáng tạo” ra tiêu chí, chỉ báo để đánh giá các năng lực chung và phẩm chất, sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá năng lực chung và phẩm chất do sở, phòng giáo dục tập huấn, thiếu sự thống nhất; h) 20% CBQL, 40% GV băn khoăn TT22 còn hiệu lực, sẽ làm khó các trường cùng lúc HS lớp 1 năm tới sẽ sử dụng khung chuẩn đánh giá 5 phẩm chất và thang đo phẩm chất dựa trên khung chuẩn này, trong khi lớp 2 đến lớp 5 vẫn đánh giá 4 nhóm phẩm chất, chưa có khung chuẩn và bộ công cụ chuẩn để đánh giá.

3.7. Các khung chuẩn đánh giá các phẩm chất cốt lõi của HS

Sau thử nghiệm, nhóm nghiên cứu đã hoàn thiện các khung chuẩn đánh giá phẩm chất HS tiểu học lớp 1-2, 3, 4-5 với hướng dẫn sử dụng cho GV về công cụ đánh giá và cách thức đánh giá.

IV. Kết quả đánh giá đặc tính đo lường (tính chuẩn) của bộ công cụ đánh giá 5 phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học

4.1. Đánh giá độ tin cậy: Hệ số tin cậy Alpha của toàn bộ phép đo = 0,97; 0,96; 0,94; 0,94.

4.2. Đánh giá độ giá trị (độ hiệu lực): độ giá trị tốt, điểm số các thang đo tương quan thuận, chặt.

4.3. Đánh giá tính chuẩn (phân phối điểm) của các thang đo 5 phẩm chất dùng cho các đối tượng CBQL, GV, CM, HS. Kết quả các đường cong phân phối điểm của các thang đánh giá dành cho CBQL, GV, CMHS, HS trên mẫu nghiên cứu gần với đường cong chuẩn, cho thấy tính chuẩn của các phân phối này cơ bản bảo đảm.

Chương VII:
XÂY DỰNG CHUẨN ĐÁNH GIÁ CÁC NĂNG LỰC ĐẶC THÙ
CỦA HS TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
(thông qua các môn học và hoạt động giáo dục)

I. Mục tiêu: Xây dựng khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù theo tiếp cận năng lực, khả thi, nhất quán với Chương trình GDPT, làm cơ sở phát triển bộ công cụ đánh giá phù hợp nhằm đánh giá năng lực đặc thù của HS tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT.

II. Đối tượng và mẫu khảo sát thử nghiệm: 452 CBQL, 1334 GV ở 79 trường tiểu học thuộc Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, TP Hồ Chí Minh, Trà Vinh.

III. Nội dung

3.1. Cơ sở khoa học xây dựng khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù của HS tiểu học

Nghị quyết 29 của BCH TW8 khóa XI ngày 04 tháng 11 năm 2013; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội khóa XIII về đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chương trình GDPT (chương trình tổng thể), được Bộ GD&ĐT ban hành theo TT32 /2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018; Nghiên cứu cơ sở khoa học, quan điểm giáo dục theo tiếp cận năng lực; Nghiên cứu cơ sở khoa học, quan điểm đánh giá sự phát triển năng lực của người học; Quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22/2016/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 8 năm 2016; Báo cáo kết quả khảo sát thực tiễn triển khai quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22; Một số khung chuẩn đánh giá các năng lực của HS của quốc tế; Một số đặc điểm tâm lí của HS tiểu học.

3.2. Các yêu cầu và nguyên tắc xây dựng khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù của HS tiểu học

* Khung chuẩn đánh giá 7 năng lực đặc thù của HS tiểu học được thiết kế dựa trên cách tiếp cận năng lực, các yêu cầu cần đạt về 7 năng lực này của HS cấp tiểu học được quy định trong Chương trình GDPT. Đồng thời tham khảo khung chuẩn năng lực tham chiếu cho các nước thành viên EU về những năng lực cốt lõi của HS phổ thông để học tập suốt đời.* Khung chuẩn đánh giá 7 nhóm năng lực đặc thù của HS tiểu học được thiết kế chi tiết gồm 3 cấp: Cấp 1- tiêu chí; Cấp 2- chỉ báo; Cấp 3- biểu hiện cụ thể.* Khung chuẩn đánh giá 7 nhóm năng lực đặc thù cần bám sát các yêu cầu cần đạt đã được quy định trong Chương

trình tổng thể theo Thông tư số 32. Tuy nhiên, cần có sự bổ sung, điều chỉnh, chọn lựa ra được các tiêu chí, chỉ báo phù hợp nhất. * Mỗi tiêu chí cần chi tiết hóa thành các chỉ báo. Mỗi chỉ báo cần chi tiết hóa thành các biểu hiện hành vi cụ thể điển hình/đặc trưng thể hiện rõ nhất cho từng chỉ báo/tiêu chí. * Lập ma trận đề xây dựng bài test – đề kiểm tra mẫu. Ma trận đề xây dựng bài test cần bao quát được các tiêu chí, chỉ báo cốt lõi.* Mỗi năng lực đặc thù, thiết kế mẫu ra một bài test (70% là trắc nghiệm khách quan, 30% tự luận ngắn) cho HS cuối lớp 3 (thời gian 35-40 phút) và một bài test (70% là trắc nghiệm khách quan, 30% tự luận ngắn) cho HS cuối lớp 5 (thời gian 40-45 phút). Bài test không nhất thiết phải bao quát tất cả các tiêu chí, chỉ báo. Những tiêu chí/chỉ báo không đánh giá bằng bài test sẽ đánh giá bằng bảng kiểm/phiếu tự đánh giá dành cho HS. Bài test (mẫu) có cấu trúc: 20% mức 1; 40-50% mức 2, vận dụng thông thường; 30-40% mức 3.

3.3. Thiết kế khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù của HS tiểu học

(Bản thảo trước thử nghiệm - xem báo cáo xây dựng khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù của HS tiểu học)

3.4. Quy trình thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù của HS tiểu học

Quy trình thử nghiệm có 7 bước: Bước 1- Giới thiệu 7 năng lực đặc thù theo bảng phác thảo trong chương trình tổng thể và những yêu cầu cần đạt ở HS tiểu học; Bước 2 - Giới thiệu quan điểm GD và đánh giá sự phát triển năng lực của HS theo tiếp cận năng lực, yêu cầu và nguyên tắc xây dựng khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù của HS tiểu học; Bước 3 -Mô tả các khung chuẩn và làm rõ cách thức đánh giá các năng lực đặc thù thông qua 3 khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù khối lớp 1, lớp 3 và lớp 5; Bước 4 - Nhóm CBQL và nhóm GV nghiên cứu, thảo luận, góp ý hoặc chữa trực tiếp vào bảng mô tả chi tiết các tiêu chí, chỉ báo hành vi, biểu hiện cụ thể của các khung chuẩn; Bước 5 - Nhóm CBQL và GV được yêu cầu sử dụng các chỉ báo và biểu hiện hành vi đặc trưng cụ thể của một năng lực; Bước 6 - Nhóm nghiên cứu chỉnh sửa lại khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù; Bước 7 - Khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù hoàn thiện sau thử nghiệm lại được gửi nhóm chuyên gia thẩm định độc lập, góp ý.

IV. Kết quả

4.1. Kết quả thử nghiệm khung chuẩn đánh giá các năng lực đặc thù của HS tiểu học

* Tất cả CBQL (100%) và GV (100%) được hỏi đều nhận thấy cần phải xây dựng khung chuẩn đánh giá 7 năng lực đặc thù của HS tiểu học làm cơ sở để GV các trường tiểu học

dựa vào đó có thể phát triển các kế hoạch dạy học, GD và đánh giá.* Đa số CBQL, GV được hỏi đều đồng ý quan điểm khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù phải được xây dựng dựa trên cách tiếp cận năng lực, bám sát các yêu cầu cần đạt của môn học trong Chương trình GDPT. * Đa số CBQL và GV được hỏi đồng ý khung chuẩn đánh giá từng năng lực đặc thù bám sát các yêu cầu cần đạt được quy định trong các chương trình môn học theo TT32 nhưng chi tiết, cụ thể, có thể dùng làm khung tham chiếu khi quan sát, lượng giá kết quả dạy học và đánh giá thường xuyên từng năng lực đặc thù của HS tiểu học.* Đa số CBQL và GV được hỏi đồng ý và ủng hộ cách xây dựng khung chuẩn đánh giá 7 năng lực đặc thù của HS tiểu học chi tiết theo 3 cấp. Song một vài chỉ báo còn trừu tượng, khó đo lường... còn dài, sẽ khó khăn cho GV khi sử dụng. * Hầu hết các đối tượng CBQL và GV (trên 95%) tranh cãi khá nhiều về việc một năng lực đặc thù liên quan đến nhiều môn học có khá nhiều tiêu chí, chỉ báo, do vậy việc bám sát đầy đủ các yêu cầu cần đạt theo chương trình của các môn học khác nhau là rất khó khăn và không khả thi.

* Nhóm CBQL ủng hộ góp ý, bổ sung khá nhiều, trong khi nhóm GV đa số ủng hộ nhưng một bộ phận đáng kể lo ngại làm thế nào để chọn lựa do bản khoăn về thời gian.* Kết quả khảo sát, thử nghiệm cho thấy một bộ phận đáng kể các CBQL, GV (khoảng 40%) các trường tiểu học đã gặp khó khăn khi từ khung chuẩn đánh giá từng năng lực đặc thù thiết kế ra các câu hỏi đánh giá năng lực. Các trường đều mong sớm được cung cấp các khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù theo khối lớp và được tập huấn để biết cách sử dụng chúng khi đánh giá HS tiểu học và để biết cách biên soạn được các câu hỏi đánh giá theo tiếp cận năng lực.

4.2. Khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù của HS tiểu học

4.2.1. Khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù của HS tiểu học (lớp 1)

Công cụ đánh giá (thang đo/bảng kiểm/ bài kiểm tra/ phiếu đánh giá... phỏng vấn, quan sát, thông tin từ sổ ghi chép và các công cụ khác, các nguồn minh chứng khác).

Cách thức đánh giá: GV dựa theo các tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện hành vi của khung năng lực đặc thù (như là khung chuẩn tham chiếu) để thiết kế bài kiểm tra cuối kì môn học của HS lớp 1 (theo ma trận đề) kết hợp 2 cách sau: (1) Sử dụng các chỉ báo trong khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù để thiết kế các bài tập đánh giá. Việc đánh giá theo tiêu chí, chỉ báo thể hiện qua các biểu hiện hành vi đặc trưng trong mỗi chỉ báo của tiêu chí, sử dụng thang 3 mức, trong đó: a) Mức 1: Cơ bản không đáp ứng yêu cầu của chỉ báo, cần có những giải pháp khắc phục; b) Mức 2: Đáp ứng yêu cầu của chỉ báo; c) Mức 3: Đáp ứng tốt yêu

cầu của chỉ báo. (2) Sử dụng các bài tập hoặc các bài test cuối kì để đánh giá. Các bài kiểm tra cuối kì được thiết kế dựa trên khung chuẩn đánh giá của từng năng lực đặc thù và ma trận bài kiểm tra cuối kì theo các mức độ được quy định trong Thông tư 27 trong đó mức 1: 20%, mức 2: 40-50%, mức 3 chiếm 30-40%.

4.2.2. Khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù của HS tiểu học (lớp 3)

Công cụ đánh giá (thang đo/bảng kiểm/ bài kiểm tra/ phiếu đánh giá... phỏng vấn, quan sát, thông tin từ sổ ghi chép và các công cụ khác, các nguồn minh chứng khác).

Cách thức đánh giá: GV dựa theo các tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện hành vi của khung năng lực đặc thù (như là khung chuẩn tham chiếu) để thiết kế bài kiểm tra cuối kì môn học của HS lớp 3 (theo ma trận đề) kết hợp 2 cách sau: (1) Sử dụng các chỉ báo trong khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù để thiết kế các bài tập đánh giá. Việc đánh giá theo tiêu chí, chỉ báo thể hiện qua các biểu hiện hành vi đặc trưng trong mỗi chỉ báo của tiêu chí, sử dụng thang 3 mức: a) Mức 1: Cơ bản không đáp ứng yêu cầu của chỉ báo, cần có những giải pháp khác; b) Mức 2: Đáp ứng yêu cầu của chỉ báo; c) Mức 3: Đáp ứng tốt yêu cầu của chỉ báo. (2) Sử dụng các bài tập hoặc các bài test cuối kì để đánh giá. Các bài kiểm tra cuối kì được thiết kế dựa trên khung chuẩn đánh giá của từng năng lực đặc thù và ma trận bài kiểm tra cuối kì theo các mức độ được quy định trong Thông tư 27 trong đó mức 1: 20%, mức 2: 40-50%, mức 3 chiếm 30-40%.

4.2.3. Khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù của HS tiểu học (Lớp 5)

Công cụ đánh giá (thang đo/bảng kiểm/ bài kiểm tra/ phiếu đánh giá... phỏng vấn, quan sát, thông tin từ sổ ghi chép và các công cụ khác, các nguồn minh chứng khác).

Cách thức đánh giá: GV dựa theo các tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện hành vi của khung năng lực đặc thù (như là khung chuẩn tham chiếu) để thiết kế bài kiểm tra cuối kì môn học của HS lớp 4, 5 (theo ma trận đề) kết hợp 2 cách sau: (1) Sử dụng các chỉ báo trong khung chuẩn đánh giá năng lực đặc thù để thiết kế các bài tập đánh giá. Việc đánh giá theo tiêu chí, chỉ báo thể hiện qua các biểu hiện hành vi đặc trưng trong mỗi chỉ báo của tiêu chí, sử dụng thang 3 mức, trong đó: a) Mức 1: Cơ bản không đáp ứng yêu cầu của chỉ báo, cần có những giải pháp khắc phục; b) Mức 2: Đáp ứng yêu cầu của chỉ báo; c) Mức 3: Đáp ứng tốt yêu cầu của chỉ báo. (2) Sử dụng các bài tập hoặc các bài test cuối kì để đánh giá. Các bài kiểm tra cuối kì được thiết kế dựa trên khung chuẩn đánh giá của từng năng lực đặc thù và ma trận bài kiểm tra cuối kì theo các mức độ được quy định trong Thông tư 27 trong đó mức 1: chiếm 20%, mức 2: chiếm 40-50%, mức 3 chiếm 30-40%.

Phần III:

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

* Các kết quả nghiên cứu tổng quan đã thu thập được nhiều dữ liệu hữu ích về xu hướng đổi mới chương trình GDPT, đánh giá kết quả GD theo tiếp cận năng lực. Kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận đã làm rõ các khái niệm công cụ: năng lực, năng lực của HS, mô hình GD theo tiếp cận năng lực, khung năng lực, khung phẩm chất.

* Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện Quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22 cho: (1) Đa số đối tượng được khảo sát đã thông hiểu mục đích, nguyên tắc, cách thức đánh giá, đã thực hiện hoặc thường xuyên thực hiện hoạt động đánh giá HS tiểu học theo TT22, chỉ còn một bộ phận nhỏ CBQL, GV, CMHS chưa hiểu rõ mục đích, bản chất, vai trò đánh giá của TT22. (2) Phần lớn CBQL, GV được khảo sát hiểu biết khá tốt về cơ sở tâm lý học, giáo dục học và khoa học đo lường đánh giá GD làm cơ sở cho Quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22. Theo đó, đánh giá HS tiểu học bằng lời nhận xét trực tiếp, tích cực, phù hợp với ngữ cảnh có lợi cho sự phát triển nhân cách HS. (3) Đa số CBQL và GV được khảo sát nhận định tích cực về những thay đổi ở GV khi thực hiện quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22. Song trong suy nghĩ, niềm tin và thói quen, cả CBQL, GV, CMHS, HS vẫn thích đánh giá thường xuyên bằng điểm số vì tin rằng như thế mới chính xác. (4) Kết quả phân tích các bài kiểm tra cuối kì I, II năm học 2017-2018 và cuối kì I, II năm học 2018-2019 các môn học có bài kiểm tra viết cho thấy 70% các câu hỏi kiểm tra ở mức biết và hiểu, 20% câu hỏi ở mức vận dụng, 10% mức vận dụng sáng tạo. Nhiều GV các trường vẫn chưa phân biệt rõ sự khác biệt giữa mức 3 và mức 4 khi xây dựng bài kiểm tra cuối kì các môn học. (5) Đa số CMHS tiểu học được nghiên cứu hiểu, đồng tình với quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22. Tuy nhiên còn một bộ phận đáng kể CMHS chưa hiểu rõ bản chất, mục đích đánh giá của TT22 là nhằm thúc đẩy phát triển học tập của HS. (6) Đa số HS được hỏi cảm thấy tự tin, hài lòng với thầy/cô. Còn một bộ phận đáng kể HS tiểu học cảm thấy lo sợ với áp lực chấm điểm, bài tập về nhà bởi một số GV vẫn sử dụng điểm số trong các bài kiểm tra thường xuyên. (7) Đối với việc đánh giá các năng lực chung và phẩm chất, kết quả cho thấy, hầu hết các trường đã tự “sáng tạo” ra tiêu chí, chỉ báo để đánh giá HS. Nhiều trường sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá năng lực chung và phẩm chất do các sở, phòng GD tập huấn, thiếu thống nhất. Các trường đều có nhu cầu được cung cấp các thang đo

chuẩn để đánh giá các năng lực chung cốt lõi và các phẩm chất chủ yếu của HS tiểu học, đồng thời được tập huấn để biết cách đánh giá. Nhiều CMHS ủng hộ và sẵn sàng tham gia đánh giá năng lực chung cốt lõi, phẩm chất chủ yếu của các con theo yêu cầu của TT22.

* Kết quả khảo sát thực trạng cũng cho thấy thách thức đang đặt ra đối với các nhà QLGD và các chuyên gia GD trong việc tiếp tục tuyên truyền, tăng cường tập huấn chuyên môn để CBQL trường tiểu học, GV hiểu rõ cơ sở khoa học của đánh giá thường xuyên bằng nhận xét và tầm quan trọng của những lời nhận xét trực tiếp tích cực có lợi như thế nào cho sự phát triển học tập, phát triển nhân cách HS tiểu học.

* Đề tài đã xây dựng được 9 khung chuẩn đánh giá, trong đó có 3 khung chuẩn đánh giá 5 phẩm chất chủ yếu (lớp 1-2, 3, 4-5), 3 khung chuẩn đánh giá 3 nhóm năng lực cốt lõi (lớp 1-2, 3, 4-5), 3 khung chuẩn đánh giá 7 năng lực đặc thù (lớp 1, 3, 5). Từ các khung chuẩn này đề tài đã xây dựng được 23 bộ công cụ là các thang đo, bảng kiểm, trắc nghiệm dùng cho các đối tượng GV, CMHS, HS. Các khung chuẩn và các thang đo được khảo sát thử tại 79 trường tiểu học nay đã được hoàn thiện, thẩm định, đảm bảo đáp ứng quy chuẩn đo lường... có thể chuyển giao để các trường tiểu học sử dụng. Một tài liệu hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo TT 27... đã tập huấn thử cho trên 2000 CBQL, GV cốt cán của 30 phòng GD của Hà Nội, gần 1500 CBQL, GV cốt cán cấp tiểu học của tỉnh Lào Cai.

* Nhóm nghiên cứu đã nỗ lực thực hiện nghiên cứu này một cách chuyên nghiệp, trên mẫu nghiên cứu lớn, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và đạt được các mục tiêu đã đề ra. Các sản phẩm của đề tài có đủ theo yêu cầu trong thuyết minh, một số sản phẩm vượt nhiều so với yêu cầu như: số lượng phiếu khảo sát và thử nghiệm vượt (2 lần); sản phẩm đào tạo vượt: số Ths 02 và TS (02) gấp 2 lần, yêu cầu 01 Ths và 01 TS; số bài báo vượt: công bố 15 bài/yêu cầu 6 bài (gấp 2,5 lần), trong đó có 4 bài báo quốc tế (gấp 4 lần, yêu cầu 1 bài) trên các tạp chí uy tín (SCOPUS) có chỉ số Q1 và Q2.

Kiến nghị:

1) Tiếp tục tập huấn chuyên môn, nâng cao chất lượng tập huấn, mời đúng các chuyên gia GD nắm vững lý thuyết về đánh giá GD, có kinh nghiệm thực tiễn tập huấn. Nội dung tập huấn nên giới thiệu chuyên sâu hơn cho CBQL, GV về mục đích đánh giá để phát triển học tập, đánh giá như là chiến lược học tập để GV được đối thoại nói ra những ý kiến, quan điểm của mình. 2) Cần làm rõ mục đích khác nhau của các loại hình đánh giá: đánh giá tổng kết, đánh giá thường xuyên, đặc biệt làm rõ cơ sở khoa học của quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22/TT27, nhằm thay đổi nhận thức, niềm tin cho CBQL, GV. Sau mỗi

chương trình tập huấn cần có đánh giá phản hồi. 3) Các cơ quan chỉ đạo triển khai TT22/TT27 cần phối hợp tốt với các nhà khoa học, chuyên gia để cung cấp cho CBQL, GV cơ sở khoa học, số liệu khảo sát đánh giá thực tiễn triển khai TT22/TT27, giúp họ hiểu rõ bản chất và có niềm tin phù hợp vào TT22/TT27. 4) Tăng cường tuyên truyền, giải thích để CMHS và dư luận hiểu rõ, đúng bản chất, mục đích đánh giá: để phát triển học tập, đánh giá như là cách thức học tập, đánh giá về kết quả học tập nhằm thay đổi nhận thức, niềm tin của CMHS, định hướng dư luận. Tổ chức nhiều hơn nữa đối thoại trên phương tiện truyền thông giữa các nhà khoa học tâm lý học, giáo dục học với GV, CMHS về cơ sở khoa học của TT22/TT27 để thay đổi nhận thức, niềm tin của GV, CMHS, giải quyết những khó khăn trong triển khai thực tiễn TT22/TT27. 5) Thay đổi cách thức chỉ đạo, kiểm tra giám sát GV thực hiện quy định đánh giá HS tiểu học theo TT22/27 theo hướng tăng cường đánh giá bằng nhận xét trực tiếp nhằm phát hiện lỗi, phản hồi tích cực trên lớp nhằm thay đổi nhận thức, niềm tin của HS, các đơn vị quản lý GD. 6) Tập trung bồi dưỡng nhiều vòng cho GV kỹ thuật đánh giá thường xuyên trên lớp học, kỹ thuật nhận xét bằng lời giàu cảm xúc tích cực, lý thuyết kiến tạo để GV dạy học, đánh giá phù hợp. 7) Cần có tài liệu hướng dẫn GV cách thiết kế các bài tập, câu hỏi đánh giá năng lực vận dụng thông thường (mức 3) và vận dụng linh hoạt sáng tạo (mức 4) để GV nghiên cứu làm theo. 8) Bộ GD&ĐT cần tập huấn trường tiểu học cách thức và kỹ thuật đánh giá HS lớp 1 theo chương trình mới, qua TT27 mới ban hành. Trong đó tăng cường nhận xét bằng lời trực tiếp, hạn chế ghi vào vở HS (GV mất nhiều thời gian và HS cũng chưa đọc hiểu được). 9) Cần giải thích các mức khen thưởng của TT 22/TT27 để các trường hiểu rõ. TT22 quy định chỉ khen HS xuất sắc và vượt trội/tiến bộ vượt bậc, còn TT27 quy định khen HS xuất sắc và HS tiêu biểu.